

Thực trạng và giải pháp thúc đẩy nông dân sản xuất cây ăn trái theo tiêu chuẩn VietGAP ở tỉnh Hậu Giang

Trần Quốc Nhân*

Trường Đại học Cần Thơ, khu 2, đường 3/2, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ, Việt Nam

Ngày nhận bài 10/9/2022; ngày chuyển phản biện 12/9/2022; ngày nhận phản biện 26/9/2022; ngày chấp nhận đăng 7/10/2022

Tóm tắt:

Mục tiêu của nghiên cứu nhằm phân tích các nguyên nhân nông dân chưa chấp nhận áp dụng tiêu chuẩn thực hành sản xuất nông nghiệp tốt tại Việt Nam (VietGAP) vào sản xuất cây ăn trái ở tỉnh Hậu Giang. Số liệu thứ cấp được thu thập từ các báo cáo tổng kết của ngành nông nghiệp tỉnh Hậu Giang; trong khi đó số liệu sơ cấp được thực hiện thông qua phỏng vấn trực tiếp hộ nông dân. Nghiên cứu chủ yếu sử dụng phương pháp phân tích định tính và phương pháp thống kê mô tả. Những nguyên nhân chính làm cho các nhà vườn chưa áp dụng quy chuẩn VietGAP là do chi phí sản xuất VietGAP cao, giá bán sản phẩm VietGAP không chênh lệch so với sản phẩm thông thường và đầu ra sản phẩm VietGAP không ổn định. Quy trình kỹ thuật khó và phải thường xuyên ghi chép nhật ký sản xuất cũng là nguyên nhân chính làm người nông dân không áp dụng VietGAP. Các cơ quan quản lý nông nghiệp ở địa phương cần tăng cường tập huấn, nâng cao kiến thức, nhận thức của nông dân về VietGAP và tăng cường nối kết nhà vườn sản xuất VietGAP với thị trường.

Từ khóa: cây ăn trái, Hậu Giang, VietGAP.

Chỉ số phân loại: 4.1, 4.7

Current status and solutions to promote fruit-tree growers to adopt VietGAP standards in Hau Giang province

Quoc Nhan Tran*

Can Tho University, Campus 2, 3/2 Street, Xuan Khanh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City, Vietnam

Received 10 September 2022; revised 26 September 2022; accepted 7 October 2022

Abstract:

The aim of this study is to investigate why fruit-tree growers are not likely to adopt Vietnamese Good Agricultural Practices (VietGAP) standards in Hau Giang province. Secondary data were collected from the yearly report of the Hau Giang agricultural sector, while primary data were gathered by the household survey through face-to-face interviews. The qualitative approach and descriptive statistics were primarily used in the study. Results showed major causes, such as high production cost, the relatively low farm-gate price for VietGAP products, and an uncertain market for VietGAP products, which trigger fruit tree growers to be less motivated to adopt VietGAP standards in practice. Besides, complex components of techniques and writing farming diaries may also cause farmers to be unwilling to apply VietGAP standards. Accordingly, local authorities regarding the agricultural sector should place emphasis on training to raise farmers' awareness and knowledge of VietGAP and enhance the connection between VietGAP adopters and outlet markets.

Keywords: fruit tree, Hau Giang, VietGAP.

Classification numbers: 4.1, 4.7

*Email: tqnhan@ctu.edu.vn

1. Đặt vấn đề

Kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam đã đạt được giá trị lớn trong thời gian gần đây, năm 2021 đạt hơn 3,5 tỷ USD. Trung Quốc là thị trường xuất khẩu chính, mặc dù tỷ trọng năm 2021 chỉ còn chiếm 53,71%, trước đó, năm 2018 chiếm 73,07% tổng kim ngạch xuất khẩu ngành rau quả của cả nước [1]. Tuy nhiên, tỷ trọng xuất khẩu rau quả sang các nước EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản và Hàn Quốc có xu hướng tăng. Đặc biệt là cơ hội xuất khẩu ngành hàng rau quả vào thị trường EU ngày càng lớn khi Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam - EU (EVFTA) có hiệu lực vào ngày 1/8/2020, theo đó khoảng 94% dòng thuế nhóm hàng rau, quả tươi và chế biến được EU cắt giảm về 0%. Gần đây, Trung Quốc tăng cường kiểm soát việc nhập khẩu nông sản từ các nước. Từ ngày 01/01/2022, hàng hóa xuất khẩu sang Trung Quốc phải tuân thủ theo Lệnh 248 về “Quy định quản lý đăng ký doanh nghiệp sản xuất thực phẩm nước ngoài nhập khẩu” và Lệnh số 249 về “Biện pháp quản lý an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu” của hải quan Trung Quốc.

Đây là cơ hội và cũng là thách thức đối với sản xuất của nông dân trong nước, đặc biệt nông dân ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), nơi cung cấp khoảng 70% sản lượng trái cây cho cả nước. Nông dân cần phải sản xuất theo quy chuẩn an toàn nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng khắt khe về chất lượng, độ an toàn và truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Nhằm thúc đẩy nông dân sản xuất theo VietGAP, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành tiêu chuẩn VietGAP áp dụng trong lĩnh vực trồng trọt - TCVN 11892-1:2017 [2]. Tuy nhiên, việc triển khai áp dụng VietGAP vào sản xuất vẫn còn nhiều thách thức đối với nông dân. Nhiều mô hình thực nghiệm sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP thành công ở quy mô nhỏ nhưng khi nhân rộng thì thất bại vì đa số nông dân chưa chấp nhận áp dụng [3].

Cho đến thời điểm này chưa có nhiều công trình nghiên cứu làm sáng tỏ các vấn đề trên một cách khoa học. Mặc dù, trong thời gian qua đã có không ít nghiên cứu về các mô hình thực hành nông nghiệp tốt (GAP), tuy nhiên các nghiên cứu này thường tập trung phân tích khía cạnh lợi ích của mô hình mang lại. Nghiên cứu của V.T.N. Nhan (2014) [4] phân tích khía cạnh kinh tế và kỹ thuật của mô hình GAP mang lại cho nông dân trồng chôm chôm ở huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Nghiên cứu của D.N. Thanh và cs (2014) [5] đánh giá hiệu quả tài chính của việc canh tác xoài theo quy trình GAP tại huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Nghiên cứu của T.V. Hau và cs (2008) [6] tập trung vào phân tích các yếu tố kỹ thuật có thể áp dụng vào quy trình GAP. Nghiên cứu của T.Q. Nhan và cs (2022) [7] sử dụng mô hình hồi quy nhị phân để xác định các yếu tố có ảnh hưởng đến việc áp dụng VietGAP của hộ trồng xoài.

Tóm lại, các nghiên cứu đã thực hiện chưa làm rõ được nguyên nhân nông dân chưa chấp nhận áp dụng quy trình VietGAP. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm làm rõ

vấn đề trên, thông qua trường hợp nghiên cứu tại tỉnh Hậu Giang. Hậu Giang nằm ở trung tâm vùng ĐBSCL, có điều kiện tự nhiên về đất đai và thổ nhưỡng phù hợp cho phát triển cây ăn trái. Diện tích cây ăn trái chiếm khoảng 30% diện tích đất nông nghiệp của tỉnh, sau diện tích đất lúa. Các loại cây ăn trái chủ lực của tỉnh như chanh không hạt, cam sành, bưởi, quýt, xoài và mít. Tuy nhiên, diện tích cây ăn trái sản xuất theo quy trình VietGAP chiếm chưa tới 1%.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp thu thập số liệu

Phương pháp chọn mẫu có chủ đích đã được áp dụng để chọn hộ trồng cây ăn trái không áp dụng tiêu chuẩn VietGAP. Những hộ này được lựa chọn thông qua sự giới thiệu của địa phương. Những hộ sẵn lòng hợp tác và trao đổi thông tin và có sự hiện diện của chủ hộ mới khảo sát. Trong thực tế, nhiều nông dân không muốn trả lời câu hỏi, hay có trường hợp chủ hộ đi vắng thì chúng tôi không tiến hành phỏng vấn. Hộ canh tác cây ăn trái chưa áp dụng tiêu chuẩn VietGAP được chọn để khảo sát phải cư ngụ trên cùng khu vực với nhà vườn đã và đang áp dụng tiêu chuẩn VietGAP, điều này nhằm đảm bảo tính tương đồng về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội với hộ áp dụng VietGAP. Mỗi khu vực có nhà vườn đã áp dụng VietGAP, chúng tôi chọn 15-20 hộ có canh tác cùng loại cây trồng nhưng không có áp dụng VietGAP để khảo sát. Chúng tôi khảo sát trên 5 nhóm hộ canh tác cây ăn trái khác nhau trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Phương pháp thảo luận nhóm đã được áp dụng để xây dựng các tiêu chí về lý do nông dân chưa chấp nhận áp dụng VietGAP vào sản xuất. Thảo luận với 5 nhóm nông dân (5 người/nhóm) tương ứng với 5 nhóm cây ăn trái (bảng 1) được thực hiện để xác định các lý do nông dân không áp dụng VietGAP. Sau đó, các tiêu chí này được sử dụng vào bảng hỏi để mỗi nông dân đánh giá mức độ quan trọng của từng nguyên nhân thông qua thang đo Likert 5 mức độ (1: hoàn toàn không đồng ý và 5: hoàn toàn đồng ý). Bên cạnh đó, phỏng vấn KIP (Key informant panel) với 10 cán bộ phụ trách VietGAP ở địa phương (cán bộ khuyến nông cấp huyện và tỉnh, cán bộ chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật) nhằm phân tích nguyên nhân nông dân chưa chấp nhận áp dụng VietGAP.

Bảng 1. Cơ cấu mẫu khảo sát.

Thứ tự	Đối tượng	Số mẫu
1	Hộ canh tác chanh không hạt	60
2	Hộ canh tác bưởi	40
3	Hộ canh tác cam	15
4	Hộ canh tác quýt	15
5	Hộ canh tác xoài	20
Tổng		150

2.2. Phương pháp phân tích số liệu

Phương pháp phân tích định tính chủ yếu được sử dụng để phân tích những nguyên nhân nông hộ canh tác cây ăn trái chưa chấp nhận áp dụng tiêu chuẩn VietGAP vào sản xuất.

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Thực trạng sản xuất cây ăn trái theo quy trình VietGAP ở tỉnh Hậu Giang

Kết quả tổng hợp số liệu từ báo cáo của ngành nông nghiệp tỉnh Hậu Giang cho thấy, chỉ có 256 hộ canh tác cây ăn trái đạt chứng nhận VietGAP với diện tích khoảng 297 ha, chỉ chiếm khoảng 0,71% diện tích cây ăn trái của toàn tỉnh, với sản lượng khoảng 6.369 tấn/năm (bảng 2). Phần lớn diện tích cây ăn trái đạt chứng nhận VietGAP đều được thực hiện dưới dạng mô hình hay dự án của ngành nông nghiệp (khuyến nông) và các dự án khoa học và công nghệ, có sự hỗ trợ kinh phí cho nông dân từ nguồn ngân sách nhà nước. Các hộ được chứng nhận chủ yếu theo hình thức tập thể như thông qua hợp tác xã, tổ hợp tác hay câu lạc bộ khuyến nông. Tuy nhiên, cũng có 2 hộ dân sản xuất sàu riêng đạt chứng nhận VietGAP với diện tích 3 ha là không có sự hỗ trợ của nhà nước, tự thực hiện bằng nguồn kinh phí của nông hộ.

Một điều đáng quan tâm, hầu hết các diện tích được chứng nhận VietGAP sau khi hết thời gian hiệu lực đều không được chứng nhận lại (thời gian chứng nhận có giá trị trong 3 năm) và chỉ có một trường hợp (hợp tác xã) thực hiện tái chứng nhận được một lần. Nguyên nhân là do chi phí chứng nhận tốn kém, nông dân không muốn chi một số tiền lớn của cá nhân mình để thuê tái chứng nhận, sau khi đã kết thúc mô hình hay dự án và không còn sự hỗ trợ kinh phí của Nhà nước. Một nguyên nhân khác có thể do việc sản xuất theo quy chuẩn GAP chưa mang lại kết quả như kỳ vọng nên nông dân không muốn tiếp tục tái chứng nhận sau khi mô hình hay dự án kết thúc.

Qua đây cho thấy tính lan tỏa của các mô hình thực hiện VietGAP được sự hỗ trợ của Nhà nước rất thấp. Phần lớn nông dân không duy trì áp dụng và tái chứng nhận, điều này có thể tác động đến những nông dân xung quanh trong việc có áp dụng hay không. Kết quả này cũng ngụ ý rằng, cách tiếp cận Nhà nước hỗ trợ trong thời gian qua đem lại tính lan tỏa và thay đổi nhận thức của nông dân về sản xuất theo quy chuẩn an toàn và được công nhận. Các cơ quan nông nghiệp nên thay đổi cách tiếp cận theo hướng thị trường và cần kết nối nông dân với những người mua có nhu cầu đặt hàng VietGAP trong thời gian dài (có thể từ 3 năm trở lên).

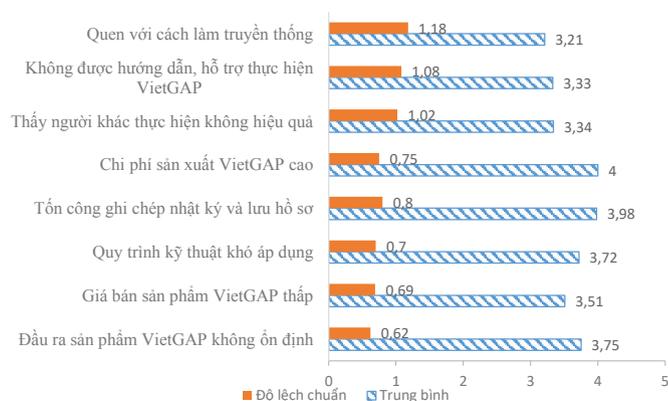
Bảng 2. Danh sách chứng nhận VietGAP cây ăn trái trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Thứ tự	Địa điểm	Cây trồng	Số hộ	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)	Thời điểm chứng nhận	Hiệu lực chứng nhận
1	Hợp tác xã Thạnh Phước, xã Đông Thạnh, huyện Châu Thành	Chanh không hạt	23	30	510	2010	Hết hạn
2	Ấp Bào Môn, xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp	Chanh không hạt	2	6	180	6/2020	Còn hạn
3	Hợp tác xã trái cây sinh học OCOF, thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành	Chanh không hạt	10	29,4	1.700	11/2020	Còn hạn
4	Câu lạc bộ Khuyến nông Phú Trí A, xã Phú Tân, huyện Châu Thành	Bưởi Năm Roi	68	57	675	2012	Hết hạn
5	Câu lạc bộ Khuyến nông Phú Lễ, xã Phú Tân, huyện Châu Thành	Bưởi Năm Roi	21	20	300	2014	Hết hạn
6	Hợp tác xã Tiến Nông, xã Vĩnh Viễn, huyện Long Mỹ	Bưởi da xanh	21	21,65	433	10/2020	Còn hạn
7	Tổ hợp tác cam sành Tân Thành, xã Tân Thành, thị xã Ngã Bảy	Cam sành	14	15	375	12/2013	Hết hạn
8	Hợp tác xã Năm Nhi, xã Đông Phước, huyện Châu Thành	Cam sành	31	54,5	981	2019	Còn hạn
9	Hợp tác xã cam xoàn Phương Phú, xã Phương Phú, huyện Phụng Hiệp	Cam xoàn	23	20,4	510	6/2016	Hết hạn
10	Hợp tác xã quýt đường Long Trị, xã Long Trị, thị xã Long Mỹ	Quýt đường	20	18	500	4/2014 10/2017	Hết hạn
11	Hợp tác xã xoài Bảy Ngàn, thị trấn Bảy Ngàn, huyện Châu Thành A	Xoài cát Hoà Lộc	22	21,95	175	02/2015	Hết hạn
12	Hộ Nguyễn Hiền Mẫn và Nguyễn Văn Ánh, xã Long Bình, huyện Long Mỹ	Sàu riêng	2	3	30	4/2017	Hết hạn
Tổng			256	297	6.369		

Nguồn: Kết quả tổng hợp của tác giả năm 2021.

3.2. Nguyên nhân nông hộ chưa chấp nhận áp dụng VietGAP vào canh tác xoài

Theo quan điểm của người nông dân: Qua kết quả thảo luận nhóm nông dân, chúng tôi xác định được 4 nhóm nguyên nhân (thông qua 8 tiêu chí) làm cho nhà vườn chưa chấp nhận áp dụng VietGAP vào sản xuất. Sau khi xác định được các nguyên nhân chung, chúng tôi sử dụng 8 tiêu chí (lý do) này để nông dân đánh giá thông qua thang đo Likert 5 mức độ. Chi tiết kết quả đánh giá các nguyên nhân được trình bày ở hình 1.



Hình 1. Nguyên nhân nông dân chưa chấp nhận áp dụng quy chuẩn VietGAP. Nguồn: Tác giả phân tích, n=150.

Nhóm nguyên nhân thứ nhất có liên quan đến các tiêu chuẩn về kỹ thuật sản xuất. Tiêu chuẩn VietGAP đặt ra những yêu cầu cụ thể về kỹ thuật cho từng khâu trong quá trình sản xuất, sơ chế sản phẩm trồng trọt, bao gồm: đánh giá và lựa chọn vùng sản xuất; giống; quản lý đất và giá thể; phân bón và chất phụ gia; nước tưới cho cây trồng; nông dược; thu hoạch và xử lý sau thu hoạch; quản lý và xử lý chất thải; an toàn lao động; ghi chép, lưu trữ hồ sơ, truy xuất nguồn gốc và thu hồi sản phẩm; kiểm tra nội bộ; khiếu nại và giải quyết khiếu nại (theo tiêu chuẩn TCVN11892-1:2017). Nông dân được khảo sát cho rằng quy trình VietGAP khó áp dụng và phức tạp, phải tuân thủ theo nhiều tiêu chí quy định bắt buộc (giá trị trung bình 3,72). Ngoài ghi chép nhật ký sản xuất hằng ngày, nông dân còn giữ quy tắc vệ sinh chung, vệ sinh kỹ dụng cụ sản xuất, thu gom chai lọ đựng thuốc bảo vệ thực vật, xây dựng nhà vệ sinh tự hoại. Qua khảo sát nông dân còn cho rằng, việc ghi chép nhật ký sản xuất hằng ngày và lưu hồ sơ sẽ khó thực hiện trong thực tế với nông dân (giá trị trung bình 3,98). Do đặc thù nghề nông, công việc mệt nhọc cùng với trình độ học vấn thấp, nông dân thường lớn tuổi, quen với sản xuất tự do không có ghi chép nên người dân cảm thấy không thực hiện được việc thường xuyên ghi chép lại các công việc hằng ngày trong quá trình canh tác xoài như loại phân bón, loại thuốc nông dược, ngày bón phân cũng như ngày phun thuốc... Qua

khảo sát cho thấy, người dân có ý thức về lợi ích của việc áp dụng tiêu chuẩn VietGAP, nhưng họ chưa quen công việc ghi chép “nhật ký nhà nông”, đây là một trong những tiêu chí quan trọng trong quy trình VietGAP, nhằm đảm bảo việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

Nhóm nguyên nhân thứ hai có liên quan đến chi phí sản xuất. Nông dân được khảo sát tin rằng, việc sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP sẽ làm tăng chi phí so với sản xuất theo truyền thống. Đây là nguyên nhân quan trọng nhất trong số các nguyên nhân nông hộ không muốn sản xuất theo quy chuẩn VietGAP (giá trị trung bình 4). Như được đề cập, việc áp dụng tiêu chuẩn VietGAP phải tuân thủ theo quy trình kỹ thuật sản xuất nghiêm ngặt về an toàn như phải sử dụng thêm phân hữu cơ, thuốc sinh học, phải có nhà kho để phân bón và thuốc bảo vệ thực vật, dụng cụ bảo hộ lao động... do đó có thể làm tăng chi phí sản xuất cho nông dân. Các kết quả nghiên cứu của P.T. Dinh và cs (2020) [8], B.X. Nha và cs (2020) [9], D.N. Thanh và cs (2014) [5] cho thấy việc sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP làm tăng chi phí sản xuất của nông dân.

Nhóm nguyên nhân thứ ba là về đầu ra sản phẩm đạt chuẩn VietGAP. Nông dân đề cập đến 2 vấn đề chính liên quan đến thị trường là đầu ra sản phẩm VietGAP không ổn định và giá bán sản phẩm đạt chuẩn VietGAP không chênh lệch đáng kể so với giá sản phẩm sản xuất theo quy trình thông thường của nông dân. Các sản phẩm đạt chuẩn VietGAP có thể chưa được người mua tin tưởng về chất lượng nên chưa sẵn lòng để mua giá cao. Nông dân được khảo sát cho rằng, họ không muốn sản xuất theo quy chuẩn VietGAP là do đầu ra thị trường không ổn định (giá trị trung bình 3,75) và giá bán sản phẩm VietGAP thấp (giá trị trung bình 3,51). Kết quả khảo sát của T.Q. Nhan (2021) [10] cho thấy, giá bán xoài đạt chuẩn VietGAP không có sự khác biệt lớn so với xoài sản xuất theo quy trình bình thường của nông dân là nguyên nhân cốt lõi làm nông dân không tiếp tục duy trì áp dụng tiêu chuẩn VietGAP.

Nhóm nguyên nhân thứ tư có liên quan đến đặc điểm của nông dân như sự hiểu biết và nhận thức về VietGAP. Nông dân cho rằng, qua quan sát những hộ đang áp dụng quy trình VietGAP thấy hiệu quả sản xuất không cao so với sản xuất theo quy trình bình thường. Chẳng hạn, chi phí sản xuất theo VietGAP cao nhưng giá bán sản phẩm lại không cao, người sản xuất phải áp dụng quy trình kỹ thuật và ghi chép nhật ký sản xuất một cách nghiêm ngặt. Kết quả khảo sát cũng cho thấy, nông dân chưa được tiếp cận hỗ trợ, trao đổi và hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn VietGAP nên chưa dám áp dụng. Nông dân không muốn áp dụng quy trình VietGAP vì đã quen với kỹ thuật và kinh nghiệm lâu nay trong canh tác nên chưa sẵn sàng để thay đổi, do không biết khi áp dụng VietGAP có đạt kết quả cao hơn hay không (hình 1).

Nhìn chung, có nhiều nguyên nhân làm nông dân chưa có động lực để áp dụng quy trình VietGAP vào canh tác cây ăn trái. Các nguyên nhân chủ yếu là chi phí sản xuất VietGAP cao do phải đầu tư một số hạng mục công trình như nhà kho, nhà vệ sinh tự hoại, thường xuyên ghi chép nhật ký sản xuất, quy trình kỹ thuật khó áp dụng, trong khi đó đầu ra cho sản phẩm VietGAP không ổn định và giá bán không chênh lệch nhiều so với sản xuất theo truyền thống.

Theo quan điểm của cán bộ ngành nông nghiệp: Qua kết quả phỏng vấn KIP với cán bộ khuyến nông, cán bộ ngành bảo vệ thực vật cấp huyện và tỉnh cho thấy có năm nguyên nhân cơ bản làm nông dân chưa có động lực để áp dụng VietGAP vào sản xuất cây ăn trái như sau:

Nông dân gặp khó khăn trong quá trình ghi chép nhật ký sản xuất (yêu cầu bắt buộc). Đánh giá này cũng phù hợp với quan điểm của nông dân là họ cảm thấy không quen với việc ghi chép nhật ký sản xuất cũng như việc lưu giữ hồ sơ, giấy tờ có liên quan trong quá trình sản xuất.

Nhiều nông dân chưa nhận thức được lợi ích lâu dài khi áp dụng quy trình VietGAP vào sản xuất. Không ít nông dân lớn tuổi, trình độ học vấn thấp nên đôi khi còn ngại áp dụng những kỹ thuật hay quy trình sản xuất mới.

Một lý do khác cũng khá quan trọng là giá bán sản phẩm đạt chuẩn VietGAP và sản phẩm thông thường chưa có sự khác biệt nhiều nên chưa tạo động lực cho nông dân áp dụng quy chuẩn VietGAP vào sản xuất. Qua phân tích ý kiến của cán bộ nông nghiệp cho thấy chưa có nhiều doanh nghiệp tham gia thực hiện việc liên kết bao tiêu sản phẩm VietGAP cho nông dân. Đây có thể là một trong những lý do làm cho giá bán giữa sản phẩm đạt chuẩn VietGAP và thông thường không chênh lệch nhiều, do nông dân vẫn bán sản phẩm VietGAP qua thương lái, trong khi thương lái ít có sự phân biệt giá mua giữa sản phẩm VietGAP và sản phẩm thông thường.

Chi phí chứng nhận đạt chuẩn VietGAP còn cao cũng được xem là một trong những nguyên nhân làm nông dân chưa có động lực để áp dụng tiêu chuẩn VietGAP. Hiện nay, để chứng nhận sản xuất đạt chuẩn VietGAP, nông dân phải thuê công ty để tư vấn, đánh giá, cấp giấy chứng nhận và tốn chi phí khá cao. Tuy nhiên, giấy chứng nhận VietGAP chỉ có giá trị trong thời gian 3 năm; sau khi hết hiệu lực, nông dân phải thuê công ty để tái chứng nhận lại. Kết quả khảo sát cũng cho thấy, các mô hình sản xuất đạt chuẩn VietGAP của nông dân ở tỉnh Hậu Giang được hỗ trợ từ các dự án của ngành nông nghiệp và từ các dự án khoa học công nghệ nên hầu hết người dân được hỗ trợ chi phí chứng nhận lần đầu.

Nguyên nhân cuối cùng nhưng cũng khá quan trọng là thiếu đội ngũ tư vấn, giám sát, hướng dẫn thường xuyên cho nông dân trong quá trình áp dụng quy trình VietGAP. Phần lớn nông dân thường ngại và chậm áp dụng quy trình kỹ thuật sản xuất mới do sợ rủi ro so với cách làm của mình. Do đó, đội ngũ cán bộ tư vấn, hướng dẫn khi nông dân áp dụng quy trình VietGAP sẽ là nhân tố quan trọng giúp nông dân tự tin hơn và mạnh dạn áp dụng.

Qua phân ý kiến của cán bộ nông nghiệp ở địa phương cho thấy hai nguyên nhân trùng với đánh giá của nông dân là khó khăn trong việc ghi chép nhật ký sản xuất và giá bán sản phẩm VietGAP chưa có sự khác biệt lớn với sản phẩm sản xuất theo quy trình truyền thống

3.3. Giải pháp thúc đẩy nhà vườn áp dụng tiêu chuẩn VietGAP

Nhà vườn cần mạnh dạn thay đổi tư duy sản xuất, chủ động áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật hay các quy trình sản xuất mới vào trong thực tế sản xuất của mình để tạo ra những sản phẩm an toàn hơn, cạnh tranh tốt hơn trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ở nước ta hiện nay. Việt Nam đã ký nhiều hiệp định thương mại tự do với các nước, tạo cơ hội lớn cho việc xuất khẩu nông sản của nước nhà, tuy nhiên nông sản của ta cũng phải cạnh tranh với nông sản ngoại nhập có chất lượng cao và giá rẻ ở ngay thị trường nội địa.

Cán bộ nông nghiệp ở địa phương cần theo dõi và hỗ trợ nông dân trong quá trình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, đặc biệt về quy trình kỹ thuật và khâu ghi chép nhật ký sản xuất. Đây là một quá trình lâu dài để giúp nông dân thay đổi dần thói quen sản xuất tự do sang thói quen sản xuất theo quy chuẩn, có tính trách nhiệm và kỷ luật cao.

Ngành nông nghiệp cần tăng cường công tác tập huấn nâng cao năng lực áp dụng quy trình VietGAP cho người dân, từ đó giúp nông dân dễ dàng hơn trong việc tiếp cận và áp dụng vào thực tế, giảm chi phí sản xuất theo quy chuẩn VietGAP. Cần tăng cường công tác thông tin tuyên truyền về những lợi ích của việc áp dụng quy chuẩn VietGAP vào sản xuất, qua đó giúp nông dân thay đổi thói quen sản xuất và nâng cao nhận thức sản xuất an toàn nông sản, an toàn sức khỏe cho chính người nông dân và người tiêu dùng và góp phần bảo vệ môi trường.

Các cơ quan nông nghiệp ở địa phương cần tăng cường làm cầu nối giữa nông dân với các doanh nghiệp thu mua trái cây trong việc tiêu thụ sản phẩm đạt chuẩn VietGAP, thúc đẩy việc ký hợp đồng tiêu thụ sản phẩm VietGAP giữa đại diện nông dân (hợp tác xã, tổ hợp tác) với các đơn vị kinh doanh và xuất khẩu trái cây hay với các nhà bán lẻ hiện

đại. Qua đó, giúp nông dân sản xuất theo chuẩn VietGAP có thị trường đầu ra ổn định lâu dài. Nhà nước cần ban hành chính sách khuyến khích các doanh nghiệp, nhà bán buôn tham gia phân phối và tiêu thụ sản phẩm đạt chuẩn VietGAP. Thông qua kênh phân phối và bán buôn này sẽ giúp duy trì được chất lượng và uy tín của các sản phẩm đạt chuẩn VietGAP đối với người tiêu dùng.

Các cơ quan nông nghiệp ở địa phương cần thay đổi cách tiếp cận nông dân trong việc thúc đẩy áp dụng VietGAP. Cần chuyển từ cách tiếp cận cung (Nhà nước áp đặt nông dân áp dụng) sang cách tiếp cận cầu (theo nhu cầu của người tiêu dùng hay người mua) để sản xuất theo chuẩn VietGAP và cần thúc đẩy hợp tác lâu dài giữa nông dân sản xuất VietGAP và nhà thu mua thông qua sản xuất theo hợp đồng.

4. Kết luận và hàm ý chính sách

Những nguyên nhân chủ yếu làm các nhà vườn không có động lực để áp dụng tiêu chuẩn VietGAP vào sản xuất do chi phí sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP cao, giá bán sản phẩm VietGAP không chênh lệch đáng kể so với sản xuất theo phương thức của nông dân, đầu ra sản phẩm VietGAP không ổn định. Một số lý do khác làm nông dân chưa thật sự có động lực để áp dụng VietGAP như quy trình kỹ thuật khó áp dụng và phải ghi chép nhật ký sản xuất thường xuyên.

Kết quả nghiên cứu đã giúp các nhà quản lý, hoạch định chính sách về nông nghiệp hiểu rõ hơn về nguyên nhân cơ bản làm nông dân chưa muốn áp dụng quy trình VietGAP vào sản xuất, qua đó giúp xây dựng những chính sách phù hợp hơn. Kết quả nghiên cứu còn bổ sung thêm vào nguồn tài liệu tham khảo về chủ đề VietGAP cho các nhà nghiên cứu, đặc biệt chú trọng đến khả năng chấp nhận áp dụng của người nông dân.

Trong nghiên cứu này, chúng tôi chỉ phân tích ở khía cạnh của nông dân và cán bộ nông nghiệp ở địa phương mà chưa có phân tích đánh giá từ người thu mua như thương lái hay doanh nghiệp cũng như người tiêu dùng về nhu cầu tiêu thụ sản phẩm VietGAP. Những thuận lợi và khó khăn của người mua đối với sản phẩm trái cây VietGAP cũng chưa được đánh giá. Đây có thể xem là những hạn chế của nghiên cứu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] N. Huyen (2022), "Decreased export to China, fruits and vegetables export increased to the United States", *Finance Journal*, <https://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-kinh-doanh/giam-dan-o-trung-quoc-rau-qua-viet-nam-tang-sang-my-348566.html>, accessed 3 June 2022 (in Vietnamese).
- [2] Ministry of Science and Technology (2017), *TCVN 11892-1:2017 - Good Agricultural Practices for Vietnam (VietGAP) - Part I: Crop Production*, <https://vanbanphapluat.co/tcvn-11892-1-2017-thuc-hanh-nong-nghiep-tot-vietgap-phan-1-trong-trot>, accessed 4 April 2022 (in Vietnamese).
- [3] T. Nguyen (2015), "When farmers want to apply VietGAP standards", <https://bnews.vn/khi-nong-dan-chua-muon-san-xuat-theo-viet-gap/350.html>, accessed 10 May 2022 (in Vietnamese).
- [4] V.T.N. Nhan (2014), "Analysis on rambutan production under Global GAP standards in Ben Tre province", *Cantho University Journal of Science*, **32**, pp.69-75 (in Vietnamese).
- [5] D.N. Thanh, N.V. Phong (2014), "Assessment of financial efficiency of two models of Cat mango production in Dong Thap", *Cantho University Journal of Science*, **33**, pp.1-10 (in Vietnamese).
- [6] T.V. Hau, T.S. Hieu, L.T.T. Thuy (2008), "Mango production under VietGAP standards in Cao Lanh district, Dong Thap province", Presentation at GAP workshop in Binh Thuan (in Vietnamese).
- [7] T.Q. Nhan, L.H. Phuc, N.V. Nay, et al. (2022), "Factors affecting mango growers' adoption of VietGAP standards in the Mekong delta", *HCMCOUJS - Economics and Business Administration*, **17**, pp.152-163, DOI: 10.46223/HCMCOUJS (in Vietnamese).
- [8] P.T. Dinh, P.V. Hung, N.V. Huong (2020), "Development of lychee production under VietGAP standards in Bac Giang province", *Vietnam Journal of Agricultural Science*, **17**, pp.754-763 (in Vietnamese).
- [9] B.X. Nha, N.N. Thuy, L.T.M. Thu, et al. (2020), "Factors affecting VietGAP standards adoption in tea fresh bud in Lam Dong province", *Journal of Agriculture and Rural Development*, **387**, pp.125-131 (in Vietnamese).
- [10] T.Q. Nhan (2021), "VietGAP standards application: Obstacles and challenges to mango growers in the Mekong delta", *Review of Regional Sustainable Development*, **11**, pp.49-58 (in Vietnamese).